

BÁO CÁO KẾT QUẢ MỘT SỐ CHỈ TIÊU LIÊN QUAN ĐÀO TẠO NHÂN LỰC TRÌNH ĐỘ QUỐC TẾ

Kết quả đào tạo nhân lực trình độ quốc tế theo Đề án tổng thể gồm 08 ngành:

1. Công nghệ
thông tin - truyền thông;
2. Cơ khí - Tự động hóa;
3. Trí tuệ nhân tạo;
4. Quản trị doanh nghiệp;
5. Tài chính - Ngân hàng;
6. Y tế;
7. Du lịch;
8. Quản lý đô thị

* Biểu thị câu hỏi bắt buộc

THÔNG TIN ĐƠN VỊ

1. 1. TÊN ĐƠN VỊ *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Học viện Cán bộ TPHCM
- ☐ Học viện Chính trị Khu vực II
- ☐ Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn Thông – Cơ sở 2
- ☐ Học viện Hàng không Việt Nam
- ☐ Học viện Hành chính Quốc Gia Cơ sở TPHCM
- ☐ Nhạc viện TPHCM
- ☐ Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn
- ☐ Trường Đại học Công nghệ TPHCM
- ☐ Trường Đại học Công nghiệp TPHCM
- ☐ Trường Đại học Công thương TPHCM
- ☐ Trường Đại học FPT - Cơ sở TPHCM
- ☐ Trường Đại học Gia Định
- ☐ Trường Đại học Giao thông Vận tải (Phân hiệu tại TP. HCM)
- ☐ Trường Đại học Giao thông Vận tải TPHCM
- ☐ Trường Đại học Hoa Sen
- ☐ Trường Đại học Hùng Vương TPHCM
- ☐ Trường Đại học Kiến trúc TPHCM
- ☐ Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TPHCM
- ☐ Đại học Kinh tế TPHCM
- ☐ Trường Đại học Lao Động - Xã Hội (Cơ sở 2)
- ☐ Trường Đại học Luật TPHCM
- ☐ Trường Đại học Mở TPHCM
- ☐ Trường Đại học Mỹ thuật TPHCM
- ☐ Trường Đại học Ngân hàng TPHCM
- ☐ Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TPHCM
- ☐ Trường Đại học Ngoại thương – CS 2 tại TPHCM
- ☐ Trường Đại học Nguyễn Tất Thành
- ☐ Trường Đại học Nông Lâm TPHCM
- ☐ Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng
- ☐ Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn

- ☐ Trường Đại học RMIT - Cơ sở TPHCM
- ☐ Trường Đại học Sài Gòn
- ☐ Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh TPHCM
- ☐ Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TPHCM
- ☐ Trường Đại học Sư phạm TPHCM
- ☐ Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao TPHCM
- ☐ Trường Đại học Tài chính – Marketing
- ☐ Trường Đại học Tài nguyên - Môi trường TPHCM
- ☐ Trường Đại học Thể dục Thể thao TPHCM
- ☐ Trường Đại học Thủy Lợi - Cơ sở TPHCM
- ☐ Trường Đại học Tôn Đức Thắng
- ☐ Trường Đại học Văn Hiến
- ☐ Trường Đại học Văn Hóa TPHCM
- ☐ Trường Đại học Văn Lang
- ☐ Trường Đại học Việt - Đức
- ☐ Trường Đại học Y Dược TPHCM
- ☐ Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch
- ☐ Phân viện Miền Nam - Học viện thanh thiếu niên Việt Nam
- ☐ Phân hiệu Học viện Kỹ thuật mật mã tại TPHCM
- ☐ Trường Đại học An ninh nhân dân
- ☐ Trường Đại học Bách Khoa
- ☐ Trường Đại học Khoa học Tự nhiên
- ☐ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
- ☐ Trường Đại học Công nghệ thông tin
- ☐ Trường Đại học Quốc tế
- ☐ Trường Đại học Kinh tế - Luật
- ☐ Trường Đại học Quản lý và Công nghệ TP.HCM

2. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG *

Vui lòng ghi đầy đủ họ tên - học hàm - học vị, số điện thoại

Ví dụ: GS. TS. Nguyễn Văn A, 0938998822

3. HIỆU TRƯỞNG *

Vui lòng ghi đầy đủ họ tên - học hàm - học vị, số điện thoại

Ví dụ: GS. TS. Nguyễn Văn A, 0938998822

4. ĐỊA CHỈ *

Vui lòng ghi địa chỉ cơ sở chính của đơn vị

5. NGƯỜI THỰC HIỆN BÁO CÁO *

Vui lòng ghi họ tên, chức vụ, số điện thoại của người thực hiện báo cáo hoặc người được cử làm đầu mối liên hệ trao đổi thông tin với Sở Giáo dục và Đào tạo.

Ví dụ: PGS. TS. Nguyễn Văn A, Trưởng phòng đào tạo, 0938998822

Ngành/nhóm ngành CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG**6. 1. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG đạt chuẩn đầu ra, kể cả chuẩn trình độ ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm để sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động quốc tế ***

Vui lòng nhập số theo tỉ lệ % đạt được giai đoạn 2020 - 2025, ví dụ: 80.5

Trường hợp không có vui lòng nhập 0

7.

*

2. Tỷ lệ sinh viên học ngành CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG được kiến tập, thực tập và có cơ hội thực hành tại các công ty có môi trường làm việc quốc tế

Vui lòng nhập số theo tỷ lệ % đạt được giai đoạn 2020 - 2025, ví dụ: 80.5

Trường hợp không có vui lòng nhập 0

8.

*

3. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG có việc làm đúng chuyên ngành và chuyên ngành gần được đào tạo

Vui lòng nhập số theo tỷ lệ % đạt được giai đoạn 2020 - 2025, ví dụ: 80.5

Trường hợp không có vui lòng nhập 0

9.

*

4. Có khai thác và sử dụng các chương trình đào tạo, học liệu mở ngành CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG được chia sẻ trực tuyến bởi các trường đại học có uy tín trên thế giới

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có

☐ Không

10.

*

5. Có hoạt động trao đổi giảng viên, sinh viên ngành CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG với các trường đại học trong khu vực và trên thế giới

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có

☐ Không

11. **6. Được công nhận tương đương bằng cấp và chuyển đổi tín chỉ/học phần ngành CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG với các trường đại học trong khu vực Châu Á và thế giới** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

12. **7. Có ít nhất 01 đề tài, chương trình hoặc dự án hợp tác ngành CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG với nước ngoài trong nghiên cứu khoa học hằng năm** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

13. **8. Có ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học hoặc chuyển giao công nghệ ngành CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG cho các tổ chức trong và ngoài nước** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

14. **9. Có tổ chức hội thảo quốc tế ngành CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG (ít nhất 02 năm/01 lần)** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

15. **10. Có tạp chí khoa học ngành CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG đạt chuẩn các tạp chí quốc tế trong khu vực ASEAN và thế giới** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

16. **11. Chương trình đào tạo ngành CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG được kiểm định bởi tổ chức quốc tế.** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

17. **12. Sử dụng toàn bộ hoặc tích hợp một phần nội dung chương trình đào tạo và giáo trình của nước ngoài vào các chương trình đào tạo ngành CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG của nhà trường** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

18. **13. Chương trình đào tạo ngành CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG có mục tiêu, nội dung được thiết kế đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội và thị trường lao động khu vực và quốc tế** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

19. **14. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo ngành CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG** đáp ứng để kiểm định theo tiêu chuẩn quốc tế *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

20. **15. Thực hiện xây dựng học liệu mở đối với ngành CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

21. **16. Triển khai ứng dụng, vận hành quản trị đào tạo ngành CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG** theo mô hình đại học chia sẻ *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

Ngành/nhóm ngành CƠ KHÍ - TỰ ĐỘNG HÓA

22. **1. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành CƠ KHÍ - TỰ ĐỘNG HÓA đạt chuẩn đầu ra, kể cả chuẩn trình độ ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm để sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động quốc tế** *

Vui lòng nhập số theo tỷ lệ % đạt được giai đoạn 2020 - 2025, ví dụ: 80.5
Trường hợp không có vui lòng nhập 0

23.

*

2. Tỷ lệ sinh viên học ngành CƠ KHÍ - TỰ ĐỘNG HÓA được kiến tập, thực tập và có cơ hội thực hành tại các công ty có môi trường làm việc quốc tế

Vui lòng nhập số theo tỷ lệ % đạt được giai đoạn 2020 - 2025, ví dụ: 80.5

Trường hợp không có vui lòng nhập 0

24.

*

3. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành CƠ KHÍ - TỰ ĐỘNG HÓA có việc làm đúng chuyên ngành và chuyên ngành gần được đào tạo

Vui lòng nhập số theo tỷ lệ % đạt được giai đoạn 2020 - 2025, ví dụ: 80.5

Trường hợp không có vui lòng nhập 0

25.

*

4. Có khai thác và sử dụng các chương trình đào tạo, học liệu mở ngành CƠ KHÍ - TỰ ĐỘNG HÓA được chia sẻ trực tuyến bởi các trường đại học có uy tín trên thế giới

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có☐ Không

26.

*

5. Có hoạt động trao đổi giảng viên, sinh viên ngành CƠ KHÍ - TỰ ĐỘNG HÓA với các trường đại học trong khu vực và trên thế giới

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có☐ Không

27. **6. Được công nhận tương đương bằng cấp và chuyển đổi tín chỉ/học phần ngành CƠ KHÍ - TỰ ĐỘNG HÓA với các trường đại học trong khu vực Châu Á và thế giới** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

28. **7. Có ít nhất 01 đề tài, chương trình hoặc dự án hợp tác ngành CƠ KHÍ - TỰ ĐỘNG HÓA với nước ngoài trong nghiên cứu khoa học hằng năm** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

29. **8. Có ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học hoặc chuyển giao công nghệ ngành CƠ KHÍ - TỰ ĐỘNG HÓA cho các tổ chức trong và ngoài nước** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

30. **9. Có tổ chức hội thảo quốc tế ngành CƠ KHÍ - TỰ ĐỘNG HÓA (ít nhất 02 năm/01 lần)** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

31. **10. Có tạp chí khoa học ngành CƠ KHÍ - TỰ ĐỘNG HÓA đạt chuẩn các tạp chí quốc tế trong khu vực ASEAN và thế giới ***

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

32. **11. Chương trình đào tạo ngành CƠ KHÍ - TỰ ĐỘNG HÓA được kiểm định bởi tổ chức quốc tế. ***

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

33. **12. Sử dụng toàn bộ hoặc tích hợp một phần nội dung chương trình đào tạo và giáo trình ngành CƠ KHÍ - TỰ ĐỘNG HÓA của nước ngoài vào các chương trình đào tạo của nhà trường ***

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

34. **13. Chương trình đào tạo ngành CƠ KHÍ - TỰ ĐỘNG HÓA có mục tiêu, nội dung được thiết kế đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội và thị trường lao động khu vực và quốc tế ***

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

35. **14. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo ngành CƠ KHÍ - TỰ ĐỘNG HÓA đáp ứng để kiểm định theo tiêu chuẩn quốc tế** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

36. **15. Thực hiện xây dựng học liệu mở đối với ngành CƠ KHÍ - TỰ ĐỘNG HÓA** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

37. **16. Triển khai ứng dụng, vận hành quản trị ngành CƠ KHÍ - TỰ ĐỘNG HÓA theo mô hình đại học chia sẻ** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

Ngành/nhóm ngành TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

38. **1. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành TRÍ TUỆ NHÂN TẠO đạt chuẩn đầu ra, kể cả chuẩn trình độ ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm để sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động quốc tế** *

Vui lòng nhập số theo tỷ lệ % đạt được giai đoạn 2020 - 2025, ví dụ: 80.5
Trường hợp không có vui lòng nhập 0

39.

*

2. Tỷ lệ sinh viên học ngành TRÍ TUỆ NHÂN TẠO được kiến tập, thực tập và có cơ hội thực hành tại các công ty có môi trường làm việc quốc tế

Vui lòng nhập số theo tỷ lệ % đạt được giai đoạn 2020 - 2025, ví dụ: 80.5

Trường hợp không có vui lòng nhập 0

40.

*

3. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành TRÍ TUỆ NHÂN TẠO đều có việc làm đúng chuyên ngành và chuyên ngành gần được đào tạo

Vui lòng nhập số theo tỷ lệ % đạt được giai đoạn 2020 - 2025, ví dụ: 80.5

Trường hợp không có vui lòng nhập 0

41.

*

4. Có khai thác và sử dụng các chương trình đào tạo, học liệu mở ngành TRÍ TUỆ NHÂN TẠO được chia sẻ trực tuyến bởi các trường đại học có uy tín trên thế giới

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có

☐ Không

42.

*

5. Có hoạt động trao đổi giảng viên, sinh viên ngành TRÍ TUỆ NHÂN TẠO với các trường đại học trong khu vực và trên thế giới

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có

☐ Không

43. **6. Được công nhận tương đương bằng cấp và chuyển đổi tín chỉ/học phần ngành TRÍ TUỆ NHÂN TẠO với các trường đại học trong khu vực Châu Á và thế giới** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

44. **7. Có ít nhất 01 đề tài, chương trình hoặc dự án hợp tác ngành TRÍ TUỆ NHÂN TẠO với nước ngoài trong nghiên cứu khoa học hằng năm** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

45. **8. Có ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học hoặc chuyển giao công nghệ ngành TRÍ TUỆ NHÂN TẠO cho các tổ chức trong và ngoài nước** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

46. **9. Có tổ chức hội thảo quốc tế ngành TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (ít nhất 02 năm/01 lần)** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

47. **10. Có tạp chí khoa học ngành TRÍ TUỆ NHÂN TẠO đạt chuẩn các tạp chí quốc tế trong khu vực ASEAN và thế giới** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

48. **11. Chương trình đào tạo ngành TRÍ TUỆ NHÂN TẠO được kiểm định bởi tổ chức quốc tế.** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

49. **12. Sử dụng toàn bộ hoặc tích hợp một phần nội dung chương trình đào tạo và giáo trình ngành TRÍ TUỆ NHÂN TẠO của nước ngoài vào các chương trình đào tạo của nhà trường** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

50. **13. Chương trình đào tạo ngành TRÍ TUỆ NHÂN TẠO có mục tiêu, nội dung được thiết kế đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội và thị trường lao động khu vực và quốc tế** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

51. **14. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo ngành TRÍ TUỆ NHÂN TẠO đáp ứng để kiểm định theo tiêu chuẩn quốc tế ***

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

52. **15. Thực hiện xây dựng học liệu mở đối với ngành TRÍ TUỆ NHÂN TẠO ***

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

53. **16. Triển khai ứng dụng, vận hành quản trị ngành TRÍ TUỆ NHÂN TẠO theo mô hình đại học chia sẻ ***

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

Ngành/nhóm ngành QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

54. **1. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP đạt chuẩn đầu ra, kể cả chuẩn trình độ ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm để sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động quốc tế ***

Vui lòng nhập số theo tỷ lệ % đạt được giai đoạn 2020 - 2025, ví dụ: 80.5

Trường hợp không có vui lòng nhập 0

55.

*

2. Tỷ lệ sinh viên học ngành QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP được kiến tập, thực tập và có cơ hội thực hành tại các công ty có môi trường làm việc quốc tế

Vui lòng nhập số theo tỷ lệ % đạt được giai đoạn 2020 - 2025, ví dụ: 80.5

Trường hợp không có vui lòng nhập 0

56.

*

3. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP đều có việc làm đúng chuyên ngành và chuyên ngành gần được đào tạo

Vui lòng nhập số theo tỷ lệ % đạt được giai đoạn 2020 - 2025, ví dụ: 80.5

Trường hợp không có vui lòng nhập 0

57.

*

4. Có khai thác và sử dụng các chương trình đào tạo, học liệu mở ngành QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP được chia sẻ trực tuyến bởi các trường đại học có uy tín trên thế giới

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có

☐ Không

58.

*

5. Có hoạt động trao đổi giảng viên, sinh viên ngành QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP với các trường đại học trong khu vực và trên thế giới

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có

☐ Không

59. **6. Được công nhận tương đương bằng cấp và chuyển đổi tín chỉ/học phần ngành QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP với các trường đại học trong khu vực Châu Á và thế giới** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

60. **7. Có ít nhất 01 đề tài, chương trình hoặc dự án hợp tác ngành QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP với nước ngoài trong nghiên cứu khoa học hằng năm** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

61. **8. Có ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học hoặc chuyển giao công nghệ ngành QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP cho các tổ chức trong và ngoài nước** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

62. **9. Có tổ chức hội thảo quốc tế ngành QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (ít nhất 02 năm/01 lần)** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

63. **10. Có tạp chí khoa học ngành QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP đạt chuẩn các tạp chí quốc tế trong khu vực ASEAN và thế giới** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

64. **11. Chương trình đào tạo ngành QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP được kiểm định bởi tổ chức quốc tế.** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

65. **12. Sử dụng toàn bộ hoặc tích hợp một phần nội dung chương trình đào tạo và giáo trình ngành QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP của nước ngoài vào các chương trình đào tạo của nhà trường** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

66. **13. Chương trình đào tạo ngành QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP có mục tiêu, nội dung được thiết kế đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội và thị trường lao động khu vực và quốc tế** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

67. **14. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo ngành QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP đáp ứng để kiểm định theo tiêu chuẩn quốc tế ***

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

68. **15. Thực hiện xây dựng học liệu mở đối với ngành QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP ***

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

69. **16. Triển khai ứng dụng, vận hành quản trị ngành QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP theo mô hình đại học chia sẻ ***

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

Ngành/nhóm ngành TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

70. **1. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG đạt chuẩn đầu ra, kể cả chuẩn trình độ ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm để sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động quốc tế ***

Vui lòng nhập số theo tỷ lệ % đạt được giai đoạn 2020 - 2025, ví dụ: 80.5
Trường hợp không có vui lòng nhập 0

71.

*

2. Tỷ lệ sinh viên học ngành TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG được kiến tập, thực tập và có cơ hội thực hành tại các công ty có môi trường làm việc quốc tế

Vui lòng nhập số theo tỷ lệ % đạt được giai đoạn 2020 - 2025, ví dụ: 80.5

Trường hợp không có vui lòng nhập 0

72.

*

3. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG đều có việc làm đúng chuyên ngành và chuyên ngành gần được đào tạo

Vui lòng nhập số theo tỷ lệ % đạt được giai đoạn 2020 - 2025, ví dụ: 80.5

Trường hợp không có vui lòng nhập 0

73.

*

4. Có khai thác và sử dụng các chương trình đào tạo, học liệu mở ngành TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG được chia sẻ trực tuyến bởi các trường đại học có uy tín trên thế giới

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có☐ Không

74.

*

5. Có hoạt động trao đổi giảng viên, sinh viên ngành TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG với các trường đại học trong khu vực và trên thế giới

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có☐ Không

75. **6. Được công nhận tương đương bằng cấp và chuyển đổi tín chỉ/học phần ngành TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG với các trường đại học trong khu vực Châu Á và thế giới** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

76. **7. Có ít nhất 01 đề tài, chương trình hoặc dự án hợp tác ngành TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG với nước ngoài trong nghiên cứu khoa học hằng năm** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

77. **8. Có ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học hoặc chuyển giao công nghệ ngành TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG cho các tổ chức trong và ngoài nước** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

78. **9. Có tổ chức hội thảo quốc tế ngành TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (ít nhất 02 năm/01 lần)** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

79. **10. Có tạp chí khoa học ngành TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG đạt chuẩn các tạp chí quốc tế trong khu vực ASEAN và thế giới ***

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

80. **11. Chương trình đào tạo ngành TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG được kiểm định bởi tổ chức quốc tế.**

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

81. **12. Sử dụng toàn bộ hoặc tích hợp một phần nội dung chương trình đào tạo và giáo trình ngành TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG của nước ngoài vào các chương trình đào tạo của nhà trường ***

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

82. **13. Chương trình đào tạo ngành TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG có mục tiêu, nội dung được thiết kế đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội và thị trường lao động khu vực và quốc tế ***

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

83. **14. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo ngành TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG đáp ứng để kiểm định theo tiêu chuẩn quốc tế** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

84. **15. Thực hiện xây dựng học liệu mở đối với ngành TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

85. **16. Triển khai ứng dụng, vận hành quản trị ngành TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG theo mô hình đại học chia sẻ** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

Ngành/nhóm ngành Y TẾ

86. **1. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp nhóm ngành Y TẾ đạt chuẩn đầu ra, kể cả chuẩn trình độ ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm để sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động quốc tế** *

Vui lòng nhập số theo tỷ lệ % đạt được giai đoạn 2020 - 2025, ví dụ: 80.5
Trường hợp không có vui lòng nhập 0

87.

*

2. Tỷ lệ sinh viên học Ngành/nhóm ngành Y TẾ được kiến tập, thực tập và có cơ hội thực hành tại các công ty có môi trường làm việc quốc tế

Vui lòng nhập số theo tỷ lệ % đạt được giai đoạn 2020 - 2025, ví dụ: 80.5

Trường hợp không có vui lòng nhập 0

88.

3. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp Ngành/nhóm ngành Y TẾ đều có việc làm đúng chuyên ngành và chuyên ngành gần được đào tạo

Vui lòng nhập số theo tỷ lệ % đạt được giai đoạn 2020 - 2025, ví dụ: 80.5

Trường hợp không có vui lòng nhập 0

89.

4. Có khai thác và sử dụng các chương trình đào tạo, học liệu mở Ngành/nhóm ngành Y TẾ được chia sẻ trực tuyến bởi các trường đại học có uy tín trên thế giới

*

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có

☐ Không

90.

5. Có hoạt động trao đổi giảng viên, sinh viên Ngành/nhóm ngành Y TẾ với các trường đại học trong khu vực và trên thế giới

*

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có

☐ Không

91. **6. Được công nhận tương đương bằng cấp và chuyển đổi tín chỉ/học phần Ngành/nhóm ngành Y TẾ với các trường đại học trong khu vực Châu Á và thế giới** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

92. **7. Có ít nhất 01 đề tài, chương trình hoặc dự án hợp tác Ngành/nhóm ngành Y TẾ với nước ngoài trong nghiên cứu khoa học hằng năm** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

93. **8. Có ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học hoặc chuyển giao công nghệ Ngành/nhóm ngành Y TẾ cho các tổ chức trong và ngoài nước** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

94. **9. Có tổ chức hội thảo quốc tế Ngành/nhóm ngành Y TẾ (ít nhất 02 năm/01 lần)** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

95. **10. Có tạp chí khoa học Ngành/nhóm ngành Y TẾ đạt chuẩn các tạp chí quốc tế trong khu vực ASEAN và thế giới** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

96. **11. Chương trình đào tạo Ngành/nhóm ngành Y TẾ được kiểm định bởi tổ chức quốc tế.** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

97. **12. Sử dụng toàn bộ hoặc tích hợp một phần nội dung chương trình đào tạo và giáo trình Ngành/nhóm ngành Y TẾ của nước ngoài vào các chương trình đào tạo của nhà trường** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

98. **13. Chương trình đào tạo Ngành/nhóm ngành Y TẾ có mục tiêu, nội dung được thiết kế đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội và thị trường lao động khu vực và quốc tế** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

99. **14. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo Ngành/nhóm ngành Y TẾ đáp ứng để kiểm định theo tiêu chuẩn quốc tế ***

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

100. **15. Thực hiện xây dựng học liệu mở đối với Ngành/nhóm ngành Y TẾ ***

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

101. **16. Triển khai ứng dụng, vận hành quản trị Ngành/nhóm ngành Y TẾ theo mô hình đại học chia sẻ ***

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

Ngành/nhóm ngành DU LỊCH

102. **1. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp Ngành/nhóm ngành DU LỊCH đạt chuẩn đầu ra, kể cả chuẩn trình độ ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm để sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động quốc tế ***

Vui lòng nhập số theo tỷ lệ % đạt được giai đoạn 2020 - 2025, ví dụ: 80.5

Trường hợp không có vui lòng nhập 0

103.

*

2. Tỷ lệ sinh viên học Ngành/nhóm ngành DU LỊCH được kiến tập, thực tập và có cơ hội thực hành tại các công ty có môi trường làm việc quốc tế

*Vui lòng nhập số theo tỷ lệ % đạt được giai đoạn 2020 - 2025, ví dụ: 80.5
Trường hợp không có vui lòng nhập 0*

104.

3. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp Ngành/nhóm ngành DU LỊCH đều có việc làm đúng chuyên ngành và chuyên ngành gần được đào tạo *

*Vui lòng nhập số theo tỷ lệ % đạt được giai đoạn 2020 - 2025, ví dụ: 80.5
Trường hợp không có vui lòng nhập 0*

105.

4. Có khai thác và sử dụng các chương trình đào tạo, học liệu mở Ngành/nhóm ngành DU LỊCH được chia sẻ trực tuyến bởi các trường đại học có uy tín trên thế giới *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có☐ Không

106.

5. Có hoạt động trao đổi giảng viên, sinh viên Ngành/nhóm ngành DU LỊCH với các trường đại học trong khu vực và trên thế giới *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có☐ Không

107. **6. Được công nhận tương đương bằng cấp và chuyển đổi tín chỉ/học phần Ngành/nhóm ngành DU LỊCH với các trường đại học trong khu vực Châu Á và thế giới** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có

☐ Không

108. **7. Có ít nhất 01 đề tài, chương trình hoặc dự án hợp tác Ngành/nhóm ngành DU LỊCH với nước ngoài trong nghiên cứu khoa học hằng năm** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có

☐ Không

109. **8. Có ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học hoặc chuyển giao công nghệ Ngành/nhóm ngành DU LỊCH cho các tổ chức trong và ngoài nước** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có

☐ Không

110. **9. Có tổ chức hội thảo quốc tế Ngành/nhóm ngành DU LỊCH ít nhất 02 năm/01 lần** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có

☐ Không

111. **10. Có tạp chí khoa học Ngành/nhóm ngành DU LỊCH đạt chuẩn các tạp chí quốc tế trong khu vực ASEAN và thế giới** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có

☐ Không

112. **11. Chương trình đào tạo Ngành/nhóm ngành DU LỊCH được kiểm định bởi tổ chức quốc tế.** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có

☐ Không

113. **12. Sử dụng toàn bộ hoặc tích hợp một phần nội dung chương trình đào tạo và giáo trình Ngành/nhóm ngành DU LỊCH của nước ngoài vào các chương trình đào tạo của nhà trường** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có

☐ Không

114. **13. Chương trình đào tạo Ngành/nhóm ngành DU LỊCH có mục tiêu, nội dung được thiết kế đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội và thị trường lao động khu vực và quốc tế** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có

☐ Không

115. **14. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo Ngành/nhóm ngành DU LỊCH đáp ứng để kiểm định theo tiêu chuẩn quốc tế** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có

☐ Không

116. **15. Thực hiện xây dựng học liệu mở đối với Ngành/nhóm ngành DU LỊCH** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có

☐ Không

117. **16. Triển khai ứng dụng, vận hành quản trị đào tạo Ngành/nhóm ngành DU LỊCH theo mô hình đại học chia sẻ** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có

☐ Không

Ngành/nhóm ngành QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

118. **1. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp Ngành/nhóm ngành QUẢN LÝ ĐÔ THỊ đạt chuẩn đầu ra, kể cả chuẩn trình độ ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm để sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động quốc tế** *

Vui lòng nhập số theo tỉ lệ % đạt được giai đoạn 2020 - 2025, ví dụ: 80.5

Trường hợp không có vui lòng nhập 0

119.

*

2. Tỷ lệ sinh viên học Ngành/nhóm ngành QUẢN LÝ ĐÔ THỊ được kiến tập, thực tập và có cơ hội thực hành tại các công ty có môi trường làm việc quốc tế

Vui lòng nhập số theo tỷ lệ % đạt được giai đoạn 2020 - 2025, ví dụ: 80.5

Trường hợp không có vui lòng nhập 0

120.

3. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp Ngành/nhóm ngành QUẢN LÝ ĐÔ THỊ đều có việc làm đúng chuyên ngành và chuyên ngành gần được đào tạo

*

Vui lòng nhập số theo tỷ lệ % đạt được giai đoạn 2020 - 2025, ví dụ: 80.5

Trường hợp không có vui lòng nhập 0

121.

4. Có khai thác và sử dụng các chương trình đào tạo, học liệu mở Ngành/nhóm ngành QUẢN LÝ ĐÔ THỊ được chia sẻ trực tuyến bởi các trường đại học có uy tín trên thế giới

*

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có

☐ Không

122.

5. Có hoạt động trao đổi giảng viên, sinh viên Ngành/nhóm ngành QUẢN LÝ ĐÔ THỊ với các trường đại học trong khu vực và trên thế giới

*

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có

☐ Không

123. **6. Được công nhận tương đương bằng cấp và chuyển đổi tín chỉ/học phần Ngành/nhóm ngành QUẢN LÝ ĐÔ THỊ với các trường đại học trong khu vực Châu Á và thế giới** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có

☐ Không

124. **7. Có ít nhất 01 đề tài, chương trình hoặc dự án hợp tác Ngành/nhóm ngành QUẢN LÝ ĐÔ THỊ với nước ngoài trong nghiên cứu khoa học hằng năm** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có

☐ Không

125. **8. Có ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học hoặc chuyển giao công nghệ Ngành/nhóm ngành QUẢN LÝ ĐÔ THỊ cho các tổ chức trong và ngoài nước** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có

☐ Không

126. **9. Có tổ chức hội thảo quốc tế Ngành/nhóm ngành QUẢN LÝ ĐÔ THỊ ít nhất 02 năm/01 lần** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có

☐ Không

127. **10. Có tạp chí khoa học Ngành/nhóm ngành QUẢN LÝ ĐÔ THỊ đạt chuẩn các tạp chí quốc tế trong khu vực ASEAN và thế giới** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có

☐ Không

128. **11. Chương trình đào tạo Ngành/nhóm ngành QUẢN LÝ ĐÔ THỊ được kiểm định bởi tổ chức quốc tế.** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có

☐ Không

129. **12. Sử dụng toàn bộ hoặc tích hợp một phần nội dung chương trình đào tạo và giáo trình Ngành/nhóm ngành QUẢN LÝ ĐÔ THỊ của nước ngoài vào các chương trình đào tạo của nhà trường** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có

☐ Không

130. **13. Chương trình đào tạo Ngành/nhóm ngành QUẢN LÝ ĐÔ THỊ có mục tiêu, nội dung được thiết kế đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội và thị trường lao động khu vực và quốc tế** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có

☐ Không

131. **14. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo Ngành/nhóm ngành QUẢN LÝ ĐÔ THỊ** **đáp ứng để kiểm định theo tiêu chuẩn quốc tế** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

132. **15. Thực hiện xây dựng học liệu mở đối với Ngành/nhóm ngành QUẢN LÝ ĐÔ THỊ** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

133. **16. Triển khai ứng dụng, vận hành quản trị Ngành/nhóm ngành QUẢN LÝ ĐÔ THỊ theo mô hình đại học chia sẻ** *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

MỘT SỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN

134. **1. Tổng số sinh viên (tính đến ngày 30/7/2024)** *

135. **2. Tổng số cán bộ, giảng viên, nhân viên (tính đến ngày 30/7/2024)** *

136. **3. Số ngành đào tạo ***

137. **4. Số ngành/ nhóm ngành liên kết các trường (nước) trong khu vực và thế giới**

138. **5. Thông tin về ngành/ nhóm ngành đào tạo hiện nay**

Vui lòng gửi thông tin để cập nhật trên website Hội đồng Hiệu trưởng và thông tin HƯỚNG NGHIỆP - TUYỂN SINH trên website Sở GDĐT giúp các trường THPT triển khai giới thiệu cho học sinh

Các tệp đã được gửi:

139. **6. Thông tin về công tác kiểm định chất lượng giáo dục**

Vui lòng gửi thông tin để cập nhật trên website Hội đồng Hiệu trưởng và thông tin HƯỚNG NGHIỆP - TUYỂN SINH trên website Sở GDĐT giúp các trường THPT triển khai giới thiệu cho học sinh

Các tệp đã được gửi:

Nội dung này không phải do Google tạo ra hay xác nhận.

Google Biểu mẫu